

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỨC LINH
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 41/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 08/5/2019

“V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC LINH, TỈNH BÌNH THUẬN**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Huỳnh Văn Thuận.
- *Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Nguyễn Thị Sương và ông Nguyễn Văn Anh.

Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thu Vân- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Bình Thuận.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh Tốt- Kiểm sát viên.

Trong ngày 08 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Bình Thuận; xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 33/2019/TLST-HNGĐ, ngày 13 tháng 02 năm 2019, về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 79/2019/QĐXXST-DS, ngày 22 tháng 4 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Th, sinh năm 1984.
Địa chỉ: Số 05, đường Đ, khu phố 5, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận.
 - *Bị đơn:* Anh Bùi Quang T, sinh năm 1980.
Địa chỉ: Số 05, đường, khu phố 5, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận.
- Tại phiên tòa có mặt: Nguyên đơn và bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện ngày 02 tháng 01 năm 2019, đơn yêu cầu tiếp tục thụ lý vụ việc, các bản khai, biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận và công khai chứng cứ, biên bản hòa giải, các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Th trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Bùi Quang T tự nguyện tìm hiểu và đi đến kết hôn, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Đức Tài, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận vào năm 2002. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì xảy ra mâu thuẫn về vấn đề kinh tế. Anh T không còn tin tưởng và tôn trọng chị nên khi anh T đi làm về tự giữ tiền và chi tiêu, không phụ giúp chị để chăm lo gia đình. Vợ chồng thường xuyên cãi vã, vì bị anh T đánh đập nên chị đã bỏ về nhà cha mẹ để sinh sống từ tháng 01/2019 cho đến nay. Nhận thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng đã thật sự trầm trọng, chung sống không có hạnh phúc. Nay chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Bùi Thị Mỹ Q, sinh ngày 27/3/2002 và Bùi Thị Yên Nh, sinh ngày 20/02/2007. Cháu Q có nguyện vọng được ở cùng anh T, còn cháu Nh có nguyện vọng ở cùng chị, chị đồng ý với nguyện vọng của các con. Cháu Nh hiện nay đang sống cùng chị, cháu Q hiện đang sống cùng anh T. Nay chị yêu cầu được nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nh, còn anh T sẽ nuôi dưỡng, giáo dục cháu Q, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại các biên bản lấy lời khai của đương sự, biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận và công khai chứng cứ, biên bản hòa giải, các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, bị đơn anh Bùi Quang T trình bày: Về quá trình kết hôn như chị Nguyễn Thị Th trình bày là đúng. Trong quá trình chung sống giữa vợ chồng anh chị không phát sinh nhiều mâu thuẫn, vấn đề mâu thuẫn về tiền bạc như chị Th khai là không đúng, anh đi làm về vẫn đưa tiền cho chị Th chăm lo gia đình. Vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn từ việc chị Th thường xuyên đi chơi với bạn bè, không chăm lo cho gia đình. Vợ chồng anh cũng có cãi vã và có xô xát nhau, anh có đánh chị Th nhưng do chị Th dùng bạo lực với anh trước. Từ tháng 02/2019 chị Th bỏ nhà đi cho đến nay. Tuy giữa vợ chồng có bất đồng quan điểm và không tìm được tiếng nói chung nhưng chưa đến mức phải ly hôn. Vì vậy anh không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị Th.

Về con chung: Về họ tên, ngày tháng năm sinh của các con chung như chị Th trình bày là đúng. Cháu Q hiện đang sống cùng với anh. Anh thống nhất với yêu cầu của chị Th là anh sẽ nuôi dưỡng cháu Bùi Thị Mỹ Q, còn chị Th nuôi dưỡng cháu Bùi Thị Yên Nh, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã tiến hành tổ chức các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải để các bên đương sự tự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án, nhưng việc hòa giải không thành.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật TTDS.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa: Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật TTDS về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Về chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật TTDS.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Tòa án xác định quan hệ pháp luật ly hôn, tranh chấp về nuôi con trong quá trình giải quyết và đưa vụ án ra xét xử là phù hợp.

Chị Nguyễn Thị Th và anh Bùi Quang T kết hôn với nhau, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Đức Tài. Hôn nhân của anh chị là hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Quá trình chung sống giữa vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn và xô xát lẫn nhau, tính tình vợ chồng không hợp nên chị Th bỏ về nhà mẹ đẻ sinh sống. Xét thấy, chị Th và anh T không còn tình cảm vợ chồng, vợ chồng không thể tiếp tục hòa hợp, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình để xử cho ly hôn.

Về con chung: Chị Th yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Bùi Thị Yến Nh, sinh ngày 20/02/2007. Anh T yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Bùi Thị Mỹ Q, sinh ngày 27/3/2002. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về thủ tục thụ lý đơn khởi kiện và thụ lý vụ án: Nguyên đơn làm đơn khởi kiện và Tòa án đã thụ lý vụ án là đúng pháp luật.

[1.2] Về thẩm quyền: Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND huyện Đ, tỉnh Bình Thuận.

[1.3] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Căn cứ vào lời khai của các đương sự và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thì có cơ sở để kết luận đây là quan hệ pháp luật ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Th và anh Bùi Quang T tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn vào năm 2002 tại UBND thị trấn Đức Tài, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận. Đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ. Sau khi kết hôn anh chị chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh chị không tìm được tiếng nói chung, không thể dung hòa tính cách của nhau nên thường xảy ra cãi vã và xô xát. Cuộc sống hôn nhân không có sự tin tưởng và tôn trọng lẫn nhau. Tại buổi hòa giải ngày 28/02/2019 anh T đồng ý ly hôn, điều này cho thấy anh cũng không còn tha thiết với cuộc hôn nhân này. Nay mặc dù anh T không đồng ý nhưng xét thấy mâu thuẫn giữa anh chị thật sự trầm trọng, không thể hàn gắn được, mục đích hôn nhân không đạt được. Hơn nữa anh chị đã sống ly thân từ tháng 01/2019 đến nay nên tình cảm vợ chồng không còn. Vì vậy cần chấp thuận yêu cầu ly hôn của chị Th là phù hợp với quy định của pháp luật.

[2.2] Về con chung: Chị Th và anh T có 02 con chung là Bùi Thị Mỹ Q, sinh ngày 27/3/2002 và Bùi Thị Yến Nh, sinh ngày 20/02/2007. Xét thấy, việc giao con cho ai nuôi dưỡng thì cần căn cứ vào nguyện vọng của các bên và quyền lợi về mọi mặt của các con. Chị Th có nguyện vọng được nuôi dưỡng cháu Nh, còn anh T có nguyện vọng được nuôi dưỡng cháu Q, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con, nguyện vọng của các cháu là theo đúng yêu cầu của anh chị. Vì vậy, cần chấp nhận sự thỏa thuận này của anh chị là phù hợp pháp luật.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Các bên đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không phải xem xét.

[2.4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Th là người khởi kiện ly hôn nên chị phải chịu toàn bộ án phí DSST theo luật định, nhưng được tính trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ.

[2.5] Xét ý kiến của Kiểm sát viên về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng pháp luật. Phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án là có căn cứ và phù hợp với nội dung vụ án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 147 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, 56, 58, 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 26 Luật Thi hành án dân sự.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1/ Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Th ly hôn anh Bùi Quang T.

2/ Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị Th được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con Bùi Thị Yến Nh, sinh ngày 20/02/2007. Giao cho anh Bùi Quang T được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con Bùi Thị Mỹ Q, sinh ngày 27/3/2002. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con, các bên có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3/ Về tài sản chung, nợ chung: Chị Th và anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4/ Về án phí: Chị Nguyễn Thị Th phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, nhưng được tính trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0025113 ngày 13/02/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ. Chị Th đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5/ Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (08/5/2019), đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

6/ Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Đ,
- Chi cục THA dân sự huyện Đ,
- UBND thị trấn Đức Tài,
- Các đương sự,
- Lưu qđ, hồ sơ

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Huỳnh Văn Thuận

